TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Nương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị M, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1987; Nơi cư trú: Ấp X, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Quốc T, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1983; Nơi cư trú: Ấp X, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Năm 2007, chị quen biết với anh Nguyễn Quốc T, qua thời gian tìm hiểu hai bên tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cho chị và anh trong năm 2010, sau khi tổ chức lễ cưới chị và anh T về sống chung bên gia đình bên chị. Hai vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2014 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong tình cảm gia đình, anh T có người phụ nữ khác, không còn quan tâm chăm lo cho gia đình, chị và anh T ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T. Về con chung: Hai vợ chồng chị sống chung với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Trần Đông Q, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2010; Nguyễn Trần Đông K, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2013, hiện nay các cháu đang sống chung với chị, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về chia tài sản chung: Chị và anh T chung sống không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Quốc T, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 16 tháng 01 năm 2023 của cháu Nguyễn Trần Đông Q trình bày: Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với mẹ.

Tại bản khai ngày 16 tháng 01 năm 2023 của cháu Nguyễn Trần Đông K trình bày: Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T; về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Trần Đông Q, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2010; Nguyễn Trần Đông K, sinh ngày 21 tháng 7 năm

2013 cho chị Trần Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị M trình bày không có, anh Nguyễn Quốc T không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Quốc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Quốc T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M đối với anh Nguyễn Quốc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị M thì cuộc sống của chị và anh T không hạnh phúc từ năm 2014 do hai vợ chồng bất đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong tình cảm gia đình, anh T có người phụ nữ khác, không còn quan tâm chăm lo cho gia đình, chị và anh T đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị M đối với anh T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị M ly hôn với anh T.

[4] Về việc nuôi con: Chị Trần Thị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trần Đông Q, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2010; Nguyễn Trần Đông K, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2013, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị M và anh T không còn sống chung và hiện nay thì 02 con chung do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, 02 cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ và để ổn định việc sinh hoạt của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị M cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Nguyễn Quốc T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M, cho ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Quốc T.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Trần Thị M được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trần Đông Q, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2010; Nguyễn Trần Đông K, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2013.

2.2. Anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị M chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004226 ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã AP, huyện TB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng